

Bản án số: 99 /2023/ HNGĐ-ST

Ngày: 04 -5 -2023

“V/v Ly hôn giữa chị T và anh M”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

2. Ông **PHẠM TRUNG THÀNH**

*- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 853 /2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXX-ST ngày 20 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Yến T**, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T xin vắng mặt, anh M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn **Phạm Thị Yến T** trình bày:* Do mai mối và sắp đặt của gia đình nên chị và anh M tiến đến hôn nhân năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2020 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường hay cãi nhau nên mất hạnh phúc. Vợ chồng ly thân đã từ tháng 10/2020.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phạm K, sinh ngày 25/3/2014 và Nguyễn Phạm Yên M, sinh ngày 01/4/2019, các con hiện đang sống cùng chị.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị T xin ly hôn anh M. Con chung chị yêu cầu nuôi, anh M phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/con/ tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T chỉ yêu cầu được ly hôn với anh M, yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn M dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Phạm Thị Yến T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn M, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự trong vụ án: Nguyên đơn Chị Phạm Thị Yến T ngày 20/3/2023 có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do là buôn bán. Đối với anh Nguyễn Văn M dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[1.4] Sự thay đổi yêu cầu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T không yêu cầu anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự phù hợp điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên ghi nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T và anh M tiến đến hôn nhân năm 2013 trên cơ sở mai mối và sắp đặt của gia đình. Tuy nhiên vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không

hợp, thường hay cãi nhau nên mất hạnh phúc. Chính quyền địa phương tuy không xác nhận được nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh chị nhưng hiện tại anh chị không còn sống chung với nhau. Đối với anh M dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng không tham gia hòa giải, xét xử, không có ý kiến việc chị T ly hôn chứng tỏ anh không thiết tha đoàn tụ cùng chị T. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng ông bà không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị T được ly hôn với anh M là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Phạm K, sinh ngày 25/3/2014 và Nguyễn Phạm Yến M, sinh ngày 01/4/2019, các con hiện đang sống cùng chị T, chị T yêu cầu nuôi cả 02 con. Đối với cháu Duy cũng có nguyện vọng sống cùng chị T. Xét thấy, con chung hiện đang được chị T nuôi dưỡng và vẫn phát triển bình thường. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung cũng như xem xét đến nguyện vọng của con chung Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu K và Yến M cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu, anh M cũng không tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Yến T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Yến T ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Phạm K, sinh ngày 25/3/2014 và Nguyễn Phạm Yến M, sinh ngày 01/4/2019 cho chị Phạm Thị Yến T nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Yến T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010752 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Yến T, anh Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

